NHỮNG GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG THỊ TRƯỜNG MỸ SAU THỜI KÌ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

VÕ THANH THU*

Trong nghiên cứu khắc họa rõ bức tranh XK, nêu bật những thành công, yếu kém, hạn chế của ngành xuất khẩu dệt may VN sang thị trường Mỹ trong thời kì khủng hoảng kinh tế. Nghiên cứu cho thấy tuy ngành dệt may là ngành XK lớn nhất, thị trường Mỹ là thị trường chủ lực, nhưng hiệu quả chưa cao do môi trường kinh doanh XK chưa thuận lợi, nội lực các doanh nghiệp VN chưa mạnh. Để duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao hiệu quả XK vào thị trường Mỹ sau thời kì khủng hoảng nghiên cứu đề xuất 2 nhóm giải pháp giúp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả XK: Nhóm giải pháp thực hiện ngay trong năm 2013, và nhóm giải pháp mang tính dài hạn cho giai đoạn 3-5 năm.

Từ khóa: *Xuất khẩu dệt may; thị trường Mỹ; khủng hoảng kinh tế 2008-2011.*

1. Ý nghĩa nghiên cứu

Ngành dệt may là ngành công nghiệp chế biến lớn nhất VN: Với doanh thu hàng vạn tỉ đồng, là ngành hàng XK hàng đầu của VN năm 2011 đạt 15,6 tỉ USD, chiếm gần 17% kim ngạch XK của VN và chiếm gần 20% GDP (cả XK lẫn doanh thu nội địa), với trên 3.710 doanh nghiệp các thành phần kinh tế tham gia, thu hút gần 2,5 triệu lao động [Vitas]. Hiện nay, hàng dệt may của VN xuất khẩu sang trên 150 nước và khu vực lãnh thổ, nhưng thị trường Mỹ là thị trường quan trọng nhất, chiếm trên 50% tổng kim ngạch XK ở ngành hàng này. Tiềm năng đẩy mạnh XK sang thị trường Mỹ còn rất lớn vì năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp dệt may VN ngày càng củng cố, nhu cầu thị trường còn lớn. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát sớm nhất tại Mỹ và kéo theo sự suy thoái kinh tế ở các lục địa, trong đó có VN. Sự suy thoái kinh tế mang lại nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động xuất khẩu dệt may tại thị trường Mỹ, việc nhận diện chúng và đề xuất các giải pháp giúp cho các doanh nghiệp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả xuất khẩu sang thị trường này có ý nghĩa thực tiễn cao mang tính cấp bách.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng 3 phương pháp chủ yếu:

- Phương pháp phân tích thống kê các số liệu thứ cấp lấy từ Bộ Thương mại và Văn phòng dệt may và may mặc Mỹ (OTEXA).

- Phương pháp chuyên gia: Bàn luận tay đôi 11 chuyên gia trong ngành dệt may về nội dung bảng câu hỏi khảo sát và tư vấn về kết quả và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra khảo sát 102 doanh nghiệp dệt may có hàng XK vào thị trường Mỹ. Dạng câu hỏi khảo sát: Câu hỏi định danh và câu hỏi thang đo mức độ với 7 mức điểm (1: thấp nhất – 7: cao nhất); quy mô mẫu: 102 doanh nghiệp (Đại diện các thành phần kinh tế, quy mô XK sang thị trường Mỹ); dạng câu hỏi: đóng và mở; phần mềm phân tích dữ liệu: SPSS 16.0, Excel 2010.

3. Khủng hoảng kinh tế thế giới và Mỹ (2008-2011) và ảnh hưởng đến kinh tế VN

3.1. Bản chất của khủng hoảng kinh tế

*GS.TS., Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
Email: vothanhthu@yahoo.com

Có nhiều khái niệm về khủng hoảng kinh tế: Nhà triết học thế kỉ 18 David Yum - người Scotland, nhà kinh tế học có tiếng nước Anh - đại diện trường phái cổ điển, David Ricardo ở thế kỉ 19 và nhà kinh tế học Liudvic phon Mizes vào thế kỉ 20, trong những lí luận của mình các nhà khoa học cho rằng khủng hoảng là một quá trình đình đốn kinh tế, tài chính, nhưng là sự phản ứng cần thiết để xác lập lại nền kinh tế theo hướng hoàn thiện. Trong tác phẩm *Tư bản* của Karl Marx: "Khủng hoảng kinh tế là hiện tượng suy thoái kinh tế kéo dài và trầm trọng tác động hạn chế đến đời sống kinh tế - xã hội". Khủng hoảng kinh tế gây ra tác động tiêu cực: phá hoại lực lượng sản xuất, làm phá sản một loạt xí nghiệp, một bộ phận người lao động bị thất nghiệp, và khôi phục tạm thời những mất cân đối của tái sản xuất. Karl Marx cũng cho rằng khủng hoảng kinh tế là hiện tượng tất yếu của chủ nghĩa tư bản, khủng hoảng cũng coi là "phương tiện" để lập lại trật tự kinh tế theo hướng phát triển tích cực hơn.

Như vậy, 2 khái niệm về khủng hoảng của hai nhà kinh tế học lỗi lạc cho thấy khủng hoảng kinh tế không những tàn phá nền kinh tế và ảnh hưởng trầm trọng đến đời sống kinh tế xã hội mà còn thông qua cuộc khủng hoảng các cấp quản lí nền kinh tế từ doanh nghiệp đến nhà nước có cơ hội nhận diện rõ những điểm yếu trong hệ thống quản lí kinh tế, từ đó đưa ra những biện pháp cấp bách để cứu chữa, cải tổ (trong điều kiện kinh tế bình thường khó nhận diện thiếu sót của hệ thống kinh tế). Khủng hoảng giúp đào thải nhanh những mặt yếu của hệ thống kinh tế: Bỏ cung cách, thể chế điều hành được cho là lỗi thời; gây phá sản những doanh nghiệp hoạt động yếu kém; chấm dứt các dự án đầu tư tràn lan kém hiệu quả.

3.2. Vài nét lớn về khủng hoảng kinh tế ở Mỹ giai đoạn 2008-2012

Khủng hoảng kinh tế thế giới ở đầu thế kỉ 21 bắt đầu từ Mỹ và xuất phát từ ngành cho vay bất động sản: trị giá của ngành nhà ở Mỹ vào khoảng 22,5 nghìn tỉ USD, lớn hơn quy mô thị trường chứng khoán Mỹ. Sự đóng băng thị trường bất động sản Mỹ, kéo theo nhiều hệ lụy cho kinh tế Mỹ, được coi là đầu tàu kinh tế thế giới:

- Nhiều ngân hàng bị phá sản: Tại Mỹ số ngân hàng bị phá sản là: 2008: 52 ; 2009: 140 ; 2010: 157 với trị giá 96 tỉ USD; 6 tháng 2012 : 50.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ giảm: 2008: 1,7%; 2009: -3,4%; 2010: 3%; 2011: 1,7%.

- Nạn thất nghiệp gia tăng: 2009: 9,6%; 2010: 9,3%; 2011: 9%; 9 tháng 2012 là 7,8. Theo báo cáo gần đây tỉ lệ thất nghiệp của Mỹ trong giai đoạn khủng hoảng là tồi tệ nhất trong 65 năm qua, khoảng 60 % thanh niên trưởng thành từ 16-24 tuổi không thể kiếm được việc làm.

- Hệ thống tài chính tiền tệ thế giới hỗn loạn, gây sự đổ vỡ kinh tế chính trị ở nhiều nước: Hy Lạp, Tây Ban Nha… khu vực đồng Eurozone vẫn trong giai đoạn khủng hoảng trầm trọng ở giai đoạn 2011-2012, cho đến cuối năm 2012 nền tài chính châu Âu tiếp tục gặp khó khăn.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế khiến tốc độ nhập khẩu hàng dệt may của Mỹ giảm mạnh năm 2008: -3,5%; 2009: -15%. Năm 2010 phục hồi nhập khẩu hàng dệt may: 13%; năm 2011 tăng chậm lại còn 7,9%. Những khó khăn lớn của nền kinh tế Mỹ như vậy ảnh hưởng hạn chế đến ngành dệt may VN sang thị trường này.

3.3. Sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tới nền kinh tế VN

- GDP của VN trong thời kì khủng hoảng giảm mạnh so với thời kì trước đó (Hình 1).

- Lạm phát tăng cao nhiều lần so với giai đoạn trước khủng hoảng (Hình 2).

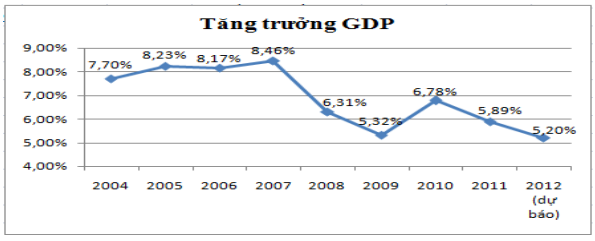

Hình 1. Tăng trưởng GDP của VN thời kì khủng hoảng (%)

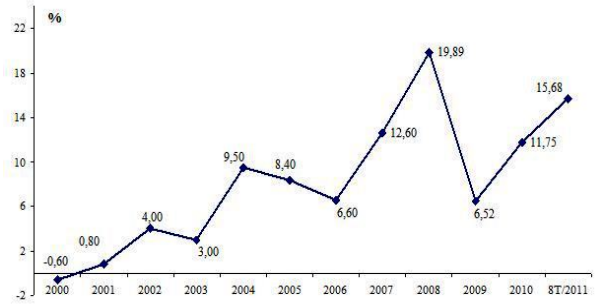

Hình 2. Tình hình lạm phát của VN 2000-2011 (ĐVT:%)

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

- Dưới tác động của khủng hoảng, các doanh nghiệp hoạt động khó khăn: Theo thống kê của Bộ Kế hoạch & Đầu tư, trong số 647.600 doanh nghiệp đăng kí thành lập, trên thực tế, tính đến ngày 30/4/2012, chỉ còn 463.800 doanh nghiệp hoạt động. Trong số sụt giảm, có trên 81.900 doanh nghiệp giải thể, 16.000 doanh nghiệp đăng kí ngừng hoạt động và trên 85.800 đơn vị dừng hoạt động nhưng không đăng kí. Cũng trong năm 2011, tổng số doanh nghiệp phải giải thể, ngừng hoạt động là 53.792, tăng 24,8% so với năm 2010. Trong đó, số doanh nghiệp đã chính thức giải thể là 7.611 doanh nghiệp, tăng gần 15% so với 2010. Số phải đăng kí ngừng hoạt động hoặc dừng nộp thuế là 46.361 doanh nghiệp, tăng 26,6% so với 2010.

- Tỉ lệ thất nghiệp lớn: Theo số liệu của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội, trong Quý I/2012, có khoảng 116.000 người đăng kí mất việc.

Tóm lại**,** khủng hoảng kinh tế thế giới 2008-2012 là cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất trong 70 năm qua, nó cuốn đi hàng vạn tỉ USD của thế giới, hàng triệu doanh nghiệp bị phá sản, hàng trăm triệu người bị thất nghiệp. Một trong những nước chịu sự ảnh hưởng nặng nề nhất là Mỹ, đầu tàu kinh tế tế giới. VN chỉ sau 1 năm gia nhập WTO đã hứng chịu khủng hoảng, nền kinh tế, trong đó có ngành sản xuất và XK dệt may gặp nhiều khó khăn so với thời gian trước đó.

4. Thực trạng xuất khẩu hàng dệt may VN sang thị trường Mỹ ở giai đoạn khủng hoảng kinh tế

4.1. Khái quát chung về XK hàng dệt may của VN

Dệt may là ngành XK hàng đầu của VN, vì nó cho phép khai thác lợi thế lao động dồi dào, giá nhân công thấp (hiện giá nhân công ngành dệt may VN chỉ bằng 60% so với giá nhân công của Trung Quốc). Sản phẩm XK dệt may VN chủ yếu phục vụ cho XK, tốc độ tăng trưởng rất nhanh bình quân trên 15%/năm (trừ năm 2009 là năm trung tâm của khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng âm).

Hình 3. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may và may mặc VN

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.

Hàng dệt may VN có mặt ở trên 150 nước và khu vực lãnh thổ, nhưng 3 thị trường: Mỹ, EU, Nhật chiếm trên 70 % tổng kim ngạch XK của ngành hàng dệt may VN, riêng vào thị trường Mỹ chiếm trên 50%. Việc nghiên cứu chuyên sâu thực trạng XK ngành dệt may vào thị trường Mỹ có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt hiện nay Mỹ chưa hoàn toàn ra khỏi suy thoái kinh tế sẽ giúp phát hiện những mặt mạnh, thành công để phát huy, những điểm hạn chế, khó khăn để khắc phục, qua đó đẩy mạnh XK bền vững sang thị trường lớn nhất thế giới này.

4.2. Thực trạng XK hàng dệt may của VN sang thị trường Mỹ ở giai đoạn khủng hoảng kinh tế

- *Về kim ngạch và tốc độ XK dệt may*: Bảng 1 cho thấy tốc độ tăng trưởng XK hàng dệt may VN sang thị trường Mỹ giai đoạn khủng hoảng 2008-2011 bình quân là 12,42%/năm, đặc biệt năm 2009 tăng trưởng âm -1,73%; trong khi đó thời kì trước đó 2002-2007 là giai đoạn sau khi Hiệp định VN - Mỹ có hiệu lực, tốc độ tăng trưởng XK hàng dệt may VN sang Mỹ tăng bình quân 342,93% /năm. Tuy nhiên, tốc độ bình quân tăng trưởng XK hàng dệt may qua thị trường Mỹ ở thời kì khủng hoảng là khá cao so với các nước ASEAN, nên đã đưa VN trở thành nước XK lớn nhất trong ASEAN vào thị trường Mỹ, và VN đứng thứ 2 chỉ sau Trung Quốc

Bảng 1. Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt may và may mặc VN sang Mỹ

ĐVT: USD, %

Năm	Mặt hàng				Tổng kim ngạch	Tốc độ tăng trưởng %
	Sợi/Xơ sợi	Vải	May mặc	Khác		
Trước 1994	-	-	-	-	-	-
1994	-	4.791	2.485.712	492.541	2.983.044	-
1995	-	1.394	16.794.338	733.594	17.529.326	487,63
1996	-	3.266	23.562.702	354.225	23.920.193	36,46
1997	-	8.349	25.940.568	457.144	26.406.061	10,39
1998	-	43.542	28.413.535	682.111	29.139.188	10,35
1999	219.492	75.213	36.069.748	1.429.987	37.794.440	29,70
2000	72.000	25.226	47.282.801	2.848.765	49.864.792	31,94
2001	1.300	13.309	47.895.375	1.425.209	49.335.193	1,06
2002	1.729.266	2.875.681	895.068.273	52.051.666	951.724.886	1.829,10
2003	4.374.891	9.301.758	2.374.554.579	96.033.502	2.484.264.730	161,03
2004	4.716.027	12.178.333	2.562.455.884	140.291.104	2.719.641.348	9,47
2005	6.663.281	9.552.353	2.724.655.277	139.670.221	2.880.541.132	5,92
2006	8.491.642	11.324.352	3.222.054.177	154.217.772	3.396.087.943	17,90
2007	13.010.032	20.249.090	4.358.517.612	166.198.707	4.557.975.441	34,21
2008	10.381.993	28.198.841	5.223.491.293	163.255.853	5.425.327.980	19,03
2009	10.532.872	72.790.117	5.068.333.143	179.876.133	5.331.532.265	(1,73)
2010	22.289.983	147.537.953	5.876.915.986	242.150.036	6.288.893.958	17,96
2011	23.591.838	219.147.438	6.644.077.525	309.230.690	7.196.047.491	14,42

Nguồn: Văn phòng dệt may và may mặc Mỹ (OTEXA)

trong trên 100 nước có hàng dệt may đưa vào thị trường này.

- *Về cơ cấu các nhóm ngành hàng XK:* Bảng 2 cho thấy ở giai đoạn khủng hoảng kinh tế 2008-2011 các nhóm ngành hàng sợi, vải, các mặt hàng khác phục hồi và gia tăng tỉ trọng, riêng nhóm hàng may mặc liên tục giảm sút về tỉ trọng. Nguyên nhân, tốc độ phục hồi trong xuất khẩu nhóm hàng may mặc sang thị trường Mỹ không nhanh như các nhóm hàng khác, mặc dù nhập khẩu hàng may mặc của thị trường này tăng nhanh.

- *Đánh giá phương thức XK hàng dệt may vào thị trường Mỹ*: Để phục vụ cho đề tài này, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 102 doanh nghiệp dệt may đại diện cho các thành phần kinh tế: Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước, FDI và đại diện cho các quy mô kinh doanh XK hàng dệt may vào Mỹ cho thấy: 45 % trị giá XK CTM (gia công); 35 % XK OEM (XK FOB), còn lại các hình thức khác.

- *Đánh giá tình hình doanh nghiệp XK dệt may tham gia vào chuỗi kinh doanh:* Trừ các doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp dệt may VN XK sang Mỹ thường qua trung gian, các đại lí mua hàng nước ngoài hiện diện tại VN, tính liên kết chuỗi lỏng lẻo, hiệu quả XK thấp.

4.3. Kết luận và nhận xét về xuất khẩu hàng dệt may và may mặc của VN sang Mỹ trong thời kì khủng hoảng kinh tế 2008-2011

Những thành công:

Bảng 2. Cơ cấu xuất khẩu hàng dệt may và may mặc VN sang Mỹ

ĐVT: %

Năm	Cơ cấu				Tổng cộng
	Sợi/Xơ sợi	Vải	May mặc	khác	
Trước 1994	-	-	-	-	-
1994	-	0,16	83,33	16,51	100
1995	-	0,01	95,81	4,18	100
1996	-	0,01	98,51	1,48	100
1997	-	0,03	98,24	1,73	100
1998	-	0,15	97,51	2,34	100
1999	0,58	0,20	95,44	3,78	100
2000	0,14	0,05	94,82	4,98	100
2001	0,00	0,03	97,08	2,89	100
2002	0,18	0,30	94,05	5,47	100
2003	0,18	0,37	95,58	3,87	100
2004	0,17	0,45	94,22	5,16	100
2005	0,23	0,33	94,59	4.85	100
2006	0,25	0,33	94,88	4,54	100
2007	0,29	0,44	95,62	3,65	100
2008	0,19	0,52	96,28	3,01	100
2009	0,20	1,37	95,06	3,37	100
2010	0,35	2,35	93,45	3,85	100
2011	0,33	3,05	92,33	4,30	100

Nguồn: Văn phòng dệt may và may mặc Mỹ (OTEXA)

- Mặc dù thị trường Mỹ là trung tâm của cuộc khủng hoảng kinh tế có môi trường kinh doanh gặp khó khăn, trừ năm 2009 tốc độ tăng trưởng XK sang thị trường Mỹ vẫn tăng nhanh luôn ở 2 con số, vẫn được xem là thị trường số một của ngành dệt may XK VN.

- Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế các doanh nghiệp thành lập mới trong ngành dệt may gia tăng nhanh. Nếu năm 2009 số doanh nghiệp ngành chỉ khoảng gần 3.000 thì quý 1 năm 2012 đã là 3.700 doanh nghiệp, nhiều trong số này tham gia XK sang Mỹ (Báo cáo của Vitas).

- Hàng dệt may đưa vào Mỹ khá đa dạng về chủng loại và mẫu mã được thị trường Mỹ chấp nhận.

- Tất cả các thành phần kinh tế đều tham gia vào XK, vai trò của khu vực kinh tế FDI ngày càng quan trọng trong việc đưa hàng dệt may sản xuất tại VN vào Mỹ (Chiếm khoảng 60 % kim ngạch XK).

- Ngay trong thời kì khủng hoảng kinh tế các doanh nghiệp ngành dệt may vẫn áp dụng nhiều phương thức XK để đưa hàng vào thị trường Mỹ: CMT; OEM; ODM; OBM…

- Nhiều doanh nghiệp tận dụng khủng hoảng để tái cấu trúc công ty theo hướng hiệu quả, tranh thủ mua sắm thiết bị giá thấp để đầu tư cho sản xuất (do khủng hoảng giá của thiết bị giảm).

- Nhiều doanh nghiệp áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí để đối phó với khủng hoảng. Sự chủ động đối phó với khó khăn là nguyên nhân quan

trọng khiến kim ngạch XK sang Mỹ giảm thấp ở năm 2009 và phục hồi nhanh trong năm 2010 và 2011.

- Hiệp hội ngành hàng dệt may (Vitas) ngày càng vững mạnh, là cầu nối giữa doanh nghiệp và Chính phủ. Hiệp hội thường xuyên tập hợp các ý kiến của các doanh nghiệp trong ngành dệt may và phản ánh đến Chính phủ những khó khăn của các doanh nghiệp trong thời kì khủng hoảng kinh tế và đề xuất với Chính phủ những giải pháp cứu trợ và hỗ trợ các doanh nghiệp ngành dệt may.

Những hạn chế bộc lộ rõ ràng trong XK hàng dệt may sang thị trường Mỹ ở thời kì khủng hoảng kinh tế

- Trong thời kì khủng hoảng, nhiều doanh nghiệp trong nước (vốn VN) doanh thu XK sang Mỹ giảm mạnh, một số doanh nghiệp vừa và nhỏ bị phá sản. Theo các chuyên gia tốc độ XK hàng dệt may sang thị trường Mỹ tăng trong thời kì khủng hoảng chủ yếu nhờ các doanh nghiệp khu vực có vốn FDI, là một mắt xích trong chuỗi kinh doanh nối kết có đầu mối tại Mỹ.

- Công nghiệp phụ trợ của ngành dệt may chưa phát triển, tác động không nhỏ tới hiệu quả XK; tới khả năng chuyển XK từ phương thức CMT (gia công) sang các phương thức kinh doanh XK khác.

- Tính cạnh tranh trong XK sang thị trường Mỹ chưa cao so với Trung Quốc và các đối thủ cạnh tranh khác.

- Hoạt động XK hàng dệt may của khối doanh nghiệp trong nước sang thị trường Mỹ cả khâu XK, nhập nguyên liệu hầu hết phải qua môi giới trung gian nên thời gian giao hàng dài, chi phí cao, hiệu quả kinh doanh thấp.

- Một hạn chế nữa của các doanh nghiệp dệt may khu vực kinh tế trong nước có hàng đưa vào thị trường Mỹ là: Không có thương hiệu và thiết kế riêng chủ yếu gia công sản phẩm đơn giản phục vụ cho thị trường bình dân.

- Khâu thiết kế mẫu mã, tiếp thị vẫn còn thiếu và yếu, đặc biệt ở khu vực doanh nghiệp dệt may ngoài quốc doanh trong nước. Trong một thời gian dài nhiều nhà sản xuất dệt may và may mặc tại VN đã tập trung vào phương thức CMT mà không tiếp cận trực tiếp với khách hàng Mỹ vì thiếu nhân lực trong thiết kế và tiếp thị.

- Tồn tại nữa liên quan đến nguồn nhân lực của ngành dệt may là: Năng suất lao động thấp, nguồn nhân lực chất lượng cao liên quan đến quản lí, tiếp thị, thiết kế… của các doanh nghiệp trong nước có hàng đưa vào Mỹ còn ít. Ngoài ra, nguồn nhân lực công nhân hay biến động về số lượng, vì trong điều kiện khủng hoảng kinh tế doanh nghiệp ngành dệt may phải hạ giá bán, giá gia công mới duy trì được khách hàng nước ngoài, nên lương công nhân thấp, nhiều công nhân nhập cư về quê, hoặc chuyển công ty… khiến nhiều thời điểm doanh nghiệp dệt may không tuyển được công nhân để mở rộng sản xuất khi nền kinh tế đã phục hồi ít nhiều từ năm 2011 đến nay.

4.4. Những nhân tố tác động đến khả năng XK hàng dệt may VN sang thị trường Mỹ thời kì khủng hoảng và sau khủng hoảng

Nhân tố mang yếu tố quốc tế:

- Thị trường Mỹ chưa hoàn toàn được phục hồi, sức mua của thị trường dệt may chưa tăng đáng kể.

- Các đối thủ cạnh tranh: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh… áp dụng nhiều biện pháp để duy trì và phát triển xuất khẩu ở thời kì phục hồi kinh tế.

- Giá nguyên liệu nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành dệt may gia tăng nhanh, trong khi đó giá XK, không được cải thiện khiến nhiều doanh nghiệp XK rơi vào tình trạng thua lỗ.

- Trong các hiệp định song phương và đa phương có sự tham gia của Mỹ và VN như Hiệp định thương mại Việt –Mỹ; Hiệp định WTO; Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) …, Mỹ đều đặc biệt chú ý đưa các điều khoản nhằm hạn chế khả năng XK hàng dệt may VN vào Mỹ.

- Mỹ dựng lên trong và sau khủng hoảng ngày càng nhiều mang tính phức tạp các rào cản phi thuế quan như: Các biện pháp về an toàn cho người sử dụng hàng dệt may; biện pháp về nhãn hiệu; biện pháp an ninh; biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp XK…gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp XK hàng dệt may vào Mỹ.

Nhân tố thuộc môi trường kinh doanh trong nước:

Theo khảo sát của nhóm nghiên cứu đối với các doanh nghiệp có hàng dệt may vào thị trường Mỹ, khó khăn đối với các doanh nghiệp từ môi trường kinh doanh rất nhiều. Hình 2 cho thấy: Các doanh nghiệp chủ yếu cho rằng những nhân tố có liên quan đến Mỹ (như quy định khắt khe, luật phòng vệ thương mại, đối thủ cạnh tranh) có tác động mạnh đến hoạt động xuất khẩu sang Mỹ. Ngoài ra, giá nguyên liệu biến động cũng là một trong những nhân tố quan trọng, gây khó cho các doanh nghiệp ngành dệt may trong tăng tốc xuất khẩu sang Mỹ. Hình 4 cũng thể hiện mức độ khó khăn do nhân tố khách quan tác động đến khả năng XK hàng dệt may của doanh nghiệp được đo cấp độ từ 1 tới 7, thì đa số doanh nghiệp đánh giá tác động hạn chế của các cấp quản lí vĩ mô đến doanh nghiệp bình quân đều trên 4 điểm.

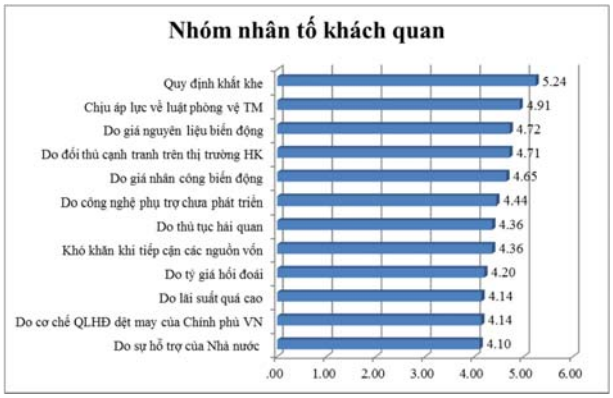

Hình 4. Mức độ ảnh hưởng hạn chế của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp XK đến doanh nghiệp dệt may sang thị trường Mỹ

Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu trường Đại học Kinh tế TP.HCM năm 2012.

Nhân tố thuộc về doanh nghiệp:

Khảo sát thực tế của nhóm nghiên cứu về ngành may VN trong và sau giai đoạn khủng hoảng kết quả cho thấy: Nếu so sánh với nhóm nhân tố khách quan, có thể thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố chủ quan được doanh nghiệp đánh giá thấp hơn, vì các doanh nghiệp cho rằng những khuyết điểm của doanh nghiệp không đóng vai trò quan trọng trong hạn chế khả năng XK hàng dệt may sang thị trường Mỹ. Tuy nhiên, dựa vào so sánh tầm quan trọng của các nhân tố chủ quan, ta cũng có thể biết được nhân tố nào có tác động mạnh đến hoạt động xuất khẩu dệt may sang Mỹ. Theo đó, nhân tố chất lượng và năng suất lao động dẫn đầu trong các nhân tố chủ quan, theo sau là phương thức kinh doanh xuất khẩu. Như vậy, các doanh nghiệp cũng nhận thức được rằng trình độ lao động và phương thức xuất khẩu chính là hai điểm yếu của ngành dệt may VN. Và thực tế, theo khảo sát ở trên và nhiều khảo sát khác, các doanh nghiệp đã bắt đầu xoay chuyển thay đổi phương thức xuất khẩu cũng như tập trung đào tạo nguồn lao động chất lượng cao. Nhân tố quy mô doanh nghiệp chiếm vị trí cuối cùng cho thấy doanh nghiệp nhận thức rằng quy mô lớn hay nhỏ không phải là yếu tố quan trọng, vì thực tế, Mỹ là sân chơi của ngành dệt may thế giới, nơi tập trung các doanh nghiệp hàng đầu, nhưng cũng có không ít các doanh nghiệp nhỏ tận dụng lợi thế thị trường ngách. Các nhân tố còn lại có tầm quan trọng không quá chênh lệch nhau.

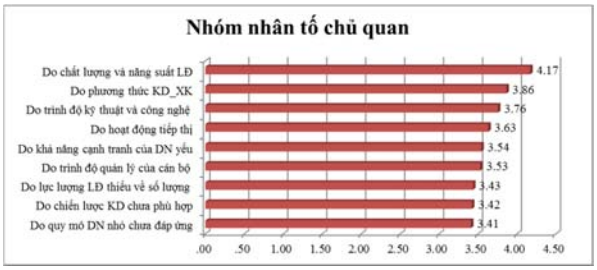

Hình 5. Nhóm nhân tố bên trong của doanh nghiệp dệt may tác động hạn chế đến XK sang thị trường Mỹ

Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu trường Đại học Kinh tế TP.HCM năm 2012.

5. Những giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Mỹ sau thời kì khủng hoảng kinh tế

5.1. Kiến nghị tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho sản xuất hàng XK dệt may sang thị trường Mỹ

Hình 6 cho thấy: Kiến nghị nhận được nhiều sự đồng tình nhất là các cơ quan nhà nước cần tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, hỗ trợ thông tin về thị trường Mỹ và đàm phán các hiệp định đa phương phải có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp với mức đồng thuận lần lượt là 6/7, 5,78/7 và 5,76/7. Kế đến, Nhà nước cần ổn định chính sách vĩ mô cũng như hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp phụ trợ. Hoàn thiện thủ tục hải quan cũng là một vấn đề được nhiều doanh nghiệp quan tâm với 5,11 điểm. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

ngành may tiếp cận với vốn là việc làm cấp thiết tiếp theo với 5,10 điểm. Giảm lãi suất tín dụng là việc cần quan tâm tiếp theo với số điểm đánh giá là 5,10. Các kiến nghị tiếp theo có mức đồng thuận dưới 5 là hỗ trợ xúc tiến thương mại và thay đổi cách thức quản lí đối với ngành dệt may. Tóm lại, các doanh nghiệp có hoạt động XK hàng dệt may sang thị trường Mỹ cho rằng cần áp dụng đồng bộ các giải pháp và mức độ cấp thiết các giải pháp sau đây để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh XK sang thị trường này:

Hình 6. Các kiến nghị và mức độ cấp thiết các kiến nghị của các doanh nghiệp dệt may có hàng XK sang thị trường Mỹ với Nhà nước.

Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu ĐHKT TP.HCM 2012.

5.2. Những giải pháp thực hiện ngay trong năm 2013

Về phía các cơ quan chính phủ:

- Ổn định chính sách vĩ mô, tránh thay đổi cơ chế chính sách kinh tế, tài chính, xuất nhập khẩu theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

- Hạ lãi suất tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong đó có các doanh nghiệp XK hàng dệt may sang thị trường Mỹ dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn.

- Triển khai rộng rãi hình thức bảo hiểm tín dụng XK theo tinh thần Quyết định số 2011/QĐ-TTg ngày 5/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao vai trò của Ngân hàng Đầu tư & Phát triển cung cấp tín dụng, bảo lãnh tín dụng xuất khẩu và đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có hàng hóa XK trực tiếp hoặc gián tiếp sang thị trường Mỹ.

- Hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp XK kinh doanh mặt hàng mới tạo sự đột phá trong XK sang thị trường Mỹ.

- Bộ Công thương, Sở Công thương tỉnh, thành phố phối hợp với các Hiệp hội dệt may trung ương và địa phương hỗ trợ doanh nghiệp XK xúc tiến thương mại mạnh mẽ, có hiệu quả trên thị trường Mỹ: Tham gia hội chợ hàng dệt may tại Mỹ.

- Trong phái đoàn Chính phủ VN tham gia đàm phán Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) về thương mại dệt may, nên có đại diện của Hiệp hội dệt may VN, bởi chỉ có họ mới nắm bắt, và hiểu rõ tác động thuận lợi và bất thuận lợi của TPP đối với ngành, trên cơ sở đó xây dựng lộ trình hội nhập với các đối tác trong tự do hóa thương mại quốc tế trong lĩnh vực dệt may với các đối tác, trong đó có Mỹ.

Về phía doanh nghiệp

- Thực hiện ngay trong năm 2013 tái cấu trúc lại công ty, hợp lí hóa các mặt hàng XK trên cơ sở rà soát lại, nhận diện rõ hạn chế trong kinh doanh XK sang thị trường Mỹ.

- Chủ động đề xuất các giải pháp thiết thực để duy trì đối tác khách hàng Mỹ của doanh nghiệp đang gặp khó khăn tạm thời do khủng hoảng kinh tế.

- Theo dõi và có biện pháp khai thác triệt để các nguồn tài trợ của Chính phủ, của địa phương giành cho các doanh nghiệp XK.

- Đa dạng hóa các phương thức xúc tiến thương mại, chuẩn bị kĩ cho việc tham gia các Hội trợ triển lãm ngành dệt may tại Mỹ, chú trọng thương mại điện tử trong quảng bá, chào bán hàng với thị trường Mỹ.

5.3. Những giải pháp dài hạn

- Áp dụng các biện pháp để hiện thực hóa chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ đối với ngành dệt may.

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn và quy chuẩn kĩ thuật đối với hàng dệt may và hàng may mặc phù hợp với pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kĩ thuật và thông lệ quốc tế; đáp ứng yêu cầu của thị trường Mỹ. Hỗ trợ việc nâng cấp các trung tâm xác minh và kiểm tra chất lượng hàng dệt may, và hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may và may mặc trong việc quản lí chất lượng và

đối phó với rào cản kĩ thuật ngày càng gia tăng tại thị trường Mỹ.

- Nghiên cứu và áp dụng công nghệ và vật liệu mới, để tạo ra hàng dệt may với tính năng đặc biệt, thực hiện các chương trình sản xuất sạch, bảo tồn năng lượng, ứng dụng phần mềm để thiết kế, quản lí sản xuất và chất lượng của hàng dệt may v.v.. (giai đoạn hồ, nhuộm, in vải gây ô nhiễm lớn).

- Thành lập trung tâm chuyên nghiên cứu về những thay đổi trong chính sách thị trường nước ngoài liên quan đến xuất khẩu hàng dệt may và may mặc, đặc biệt là chính sách của Mỹ, để các doanh nghiệp VN được cập nhật đầy đủ thông tin và có thể phát triển các chiến lược cho phù hợp.

- Tiếp tục khuyến khích đầu tư trong giáo dục và đào tạo nâng cao nguồn nhân lực.

- Củng cố mạng lưới thông tin giữa các doanh nghiệp dệt may, cũng như các Bộ, ngành liên quan đến hàng dệt may và may mặc. Bên cạnh đó, khi cần thiết, Chính phủ cần linh hoạt thay đổi các chính sách hỗ trợ xuất khẩu hàng dệt may và may mặc, giúp các doanh nghiệp đẩy mạnh XK sang thị trường Mỹ nói riêng và các thị trường khác.

- Hỗ trợ đầu tư các trung tâm cung cấp nguyên liệu, các khu logistics dệt may tại các vùng kinh tế trọng điểm.

Kết luận, theo dự báo của các chuyên gia kinh tế có uy tín và dự báo của nhóm nghiên cứu (trong công trình nghiên cứu của tác giả có sử dụng phương pháp định lượng để dự báo) trong 5 năm tới Mỹ tiếp tục là thị trường hàng đầu tiêu thụ hàng dệt may của VN. Muốn duy trì được tốc độ cao trong tăng trưởng XK hàng dệt may sang thị trường Mỹ thì rất cần thiết phải áp dụng đồng bộ các giải pháp mà nhóm nghiên cứu đề xuất trên đây■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

American Apparel & Footwear Association (2011), *Manufacturing in the U.S.A: How U.S. Trade Policy Offshores Jobs*, American Apparel & Footwear Association.

Amponsah, W.A. & Boadu, V.O., 2012, *Crisis in the U.S. Textile and Apparel Industry: Is It Caused by Trade Agreementsand Asian Currency Meltdowns?* U.S. Department of Agriculture.

Báo cáo tổng kết của Hiệp hội dệt may VN các năm 2007; 2008; 2009; 2010; 2011.

Báo cáo điều tra cộng đồng các doanh nghiệp về vấn đề hội nhập (Ngành dệt may VN), VCCI, 2011, Quy hoạch đầu tư dệt may giai đoạn 2011- 2020.

Quyết định Chính phủ số 36/2008/QĐ-TTg ngày 10/03/2008 *Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may VN đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*.

Trans-Pacific Partnership Apparel Coalition (2011), *Common Myths about the Trans-Pacific Partnership and the Yarn Forward Rule of Origin*, Trans-Pacific Partnership Apparel Coalition.

US Customs and Border Protection (2011), *What Every Member of the Trade Community Should Know About: Textile & Apparel Rules of Origin*, US Customs and Border Protection.

Website của Hiệp hội dệt may VN: http://www.vinatex.com

Website của Hiệp hội dệt may thêu đan TP.HCM: http://www.agtek-hcm.com.

Website của Tổng cục Thống kê VN: www.gso.gov.vn

Website của WTO: www.wto.org.

Website thống kê của chính phủ Mỹ: www.cia.gov.com.

Website của Bộ Kế hoạch & Đầu tư: www.mpi.gov.vn